

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢN HỢP NHẤT**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Số lượng hàng thủy sản chế biến và bán ra trong kỳ nhiều hơn so với các kỳ trước do:
  - Công ty Cổ Phần Nam Việt (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng gia công để Công ty TNHH Ân Độ Dương thực hiện sản xuất thành phẩm cá tra cho Công ty.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định (theo thông tư 203/2009/TT- BTC) như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-50
Máy móc và thiết bị	5-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-10
Tài sản cố định khác	3-10

### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.5.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

#### **7. Tài sản cố định vô hình**

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

##### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

#### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

#### **9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### **10. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo quy định của Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UB ngày 11 tháng 5 năm 2000, Công ty Cổ Phần Nam Việt có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản là 20% trên thu nhập chịu thuế, Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Cục thuế Tỉnh An Giang đã chấp nhận cho Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2002.

Trong các lần mở rộng sản xuất từ năm 2001 đến năm 2004, Công ty Cổ Phần Nam Việt đều được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất. Ngày 14 tháng 8 năm 2006, Công ty Cổ Phần Nam Việt có Công văn gửi cho Cục thuế Tỉnh An Giang kiến nghị để được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Ngày 28 tháng 11 năm 2006 trả lời chấp nhận Công ty Cổ Phần Nam Việt được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% cho các ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất.

#### **11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận theo thông tư 201/2009/TT- BTC.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### **13. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt hợp nhất với báo cáo tài chính của 2 Công ty con là:

	% sở hữu trong giấy phép của công ty con
Công ty TNHH Ân Độ Dương	100%
Công ty TNHH Cromit Nam Việt	51%

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Tiền mặt	1,276,445,419	2,614,824,371
Tiền gửi ngân hàng	45,041,427,731	28,085,928,075
Các khoản tương đương tiền	136,428,000,000	159,901,450,000
<b>Cộng</b>	<b><u>182,745,873,150</u></b>	<b><u>190,602,202,446</u></b>

**2. Các khoản phải thu**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Phải thu trong nước	62,299,050,638	70,365,346,452
Phải thu nước ngoài	351,424,865,486	317,181,810,461
Phải thu nội bộ (*)	231,316,715,514	347,036,245,271
Cho vay nội bộ	12,504,508,728	0
Trả trước người bán	46,841,115,862	69,135,437,420
Các khoản phải thu khác	24,020,229,238	18,414,852,454
Dự phòng phải thu khó đòi	(32,148,057,800)	(32,148,057,800)
<b>Cộng</b>	<b><u>696,260,456,078</u></b>	<b><u>789,985,634,258</u></b>

(\*) Các khoản phải thu nội bộ:

1- Phải thu bán các thành phẩm	96,995,828,409
2- Phải thu từ các khoản trả hộ	82,090,999,384
3- Phải thu phí XK uỷ thác	37,851,095,021
4- Phải thu tiền vay	12,504,508,728
5- Phải thu vật tư	11,512,195,051
6- Phải thu khác	2,512,197,649

**243,821,224,242****3. Hàng tồn kho**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Nguyên vật liệu	14,372,891,732	12,389,997,471
Công cụ dụng cụ	3,880,548,321	2,601,369,028
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5,020,400,939	11,712,281,737
Thành phẩm	339,652,825,233	325,852,645,779
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(68,542,299,975)	(68,542,299,975)
<b>Cộng</b>	<b><u>294,384,366,250</u></b>	<b><u>284,013,994,040</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Chi phí trả trước	2,773,194	28.036.000
Tạm ứng mua hàng	4,390,996,890	2.368.367.687
Thuế GTGT được khấu trừ	1,921,613,812	3,484,939,942
<b>Cộng</b>	<b><u>6,315,383,896</u></b>	<b><u>5,881,343,629</u></b>

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
<b>Tại ngày</b>					
<b>31/12/2009</b>	221,977,233,454	386,824,839,379	47,859,808,533	9,656,759,791	<b>666,318,641,157</b>
Tăng trong kỳ		2,548,385,400		265,413,884	<b>2,813,799,284</b>
Tăng khác					
Giảm trong kỳ		846,029,982	469,143,376		<b>1,315,173,358</b>
Giảm khác					
<b>Tại ngày</b>					
<b>30/06/2010</b>	221,977,233,454	388,527,194,797	47,390,665,157	9,922,173,675	<b>667,817,267,083</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
<b>Tại ngày</b>					
<b>31/12/2009</b>	81,333,093,101	131,363,455,858	15,888,192,641	5,488,839,243	<b>234,073,580,843</b>
Tăng trong kỳ	5,896,866,835	17,760,431,426	3,082,064,362	1,085,398,183	<b>27,824,760,806</b>
Tăng khác					
Giảm trong kỳ		846,029,982	162,897,000		<b>1,008,926,982</b>
Giảm khác					
<b>Tại ngày</b>					
<b>30/06/2010</b>	87,229,959,936	148,277,857,302	18,807,360,003	6,574,237,426	<b>260,889,414,667</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	140,644,140,353	255,461,383,521	31,971,615,892	4,167,920,548	<b>432,245,060,314</b>
Số dư cuối quý	134,747,273,518	240,249,337,495	28,583,305,154	3,347,936,249	<b>406,927,852,416</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/12/2009	17,864,326,804	175,291,000	18,039,617,804
Tăng trong kỳ			
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 30/06/2010	<u>17.864.326.804</u>	<u>175.291.000</u>	<u>18.039.617.804</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 31/12/2009		143,177,198	143,177,198
Tăng trong kỳ		13,164,115	13,164,115
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 30/06/2010		<u>156,341,313</u>	<u>156,341,313</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	17.864.326.804	32,113,802	17,896,440,606
Số dư cuối quý	17.864.326.804	18,949,687	17,883,276,491

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tại ngày 31/12/2009	<u>158,448,768,505</u>
Tăng trong kỳ	62,591,339,642
Giảm trong kỳ	288,970,237
Tại ngày 30/06/2010	<u>220,751,137,910</u>

**8. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Đầu tư vào Cty liên kết (1*)	17,400,000,000	17.400.000.000
Đầu tư chứng khoán (2*)	155,200,000,000	155.200.000.000
Đầu tư trái phiếu (3*)		10.000.000
Đầu tư dài hạn khác (4*)	78,200,000,000	78.200.000.000
DP giảm giá ĐTTC dài hạn	(7,219,480,000)	(7.219.480.000)
<b>Cộng</b>	<u>243,580,520,000</u>	<u>243.590.520.000</u>

(\*)Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	Vốn Đầu Tư	Số lượng	Mệnh giá-
(1*) 1-Cty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	17.400.000.000		
(2*) 1- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long	20.200.000.000	2,000,000	10,000
2- Ngân Hàng TM CP Nông Thôn Mỹ Xuyên	135.000.000.000	5,400,000	10,000
(3*) 1- Góp vốn thành lập Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43.200.000.000	4,000,000	10,000
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	20.000.000.000	200	100,000,000
3- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10.000.000.000	1,000,000	10,000
4- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quỹ Hùng Việt	5.000.000.000	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****9. Tài sản dài hạn khác**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Chi phí trả trước dài hạn	1,454,839,698	297.979.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	57,936,226,624	57,936,226,624
Ký quỹ để đảm bảo tiền vay của Quỹ đầu tư phát triển	19,200,000,000	19.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>78,591,066,322</u></b>	<b><u>77,434,206,020</u></b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Ngân hàng đầu tư và phát triển		20.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank An Giang	66,352,250,000	48.200.000.000
Ngân hàng Phát triển CN AG (Quỹ Hỗ Trợ)	35,800,000,000	71.000.000.000
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	71,000,000,000	93.300.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội –CN AG	132,500,000,000	
Công ty Tài Chính Cổ phần Xi Măng	42,000,000,000	149.500.000.000
Công ty TNHH Biển Đông		4.800.000.000
Công ty Tài Chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	13,000,000,000	70.000.000.000
Cá nhân	5,494,840,000	17.058.840.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	8,590,080,200	24.581.697.664
<b>Cộng</b>	<b><u>374,737,170,200</u></b>	<b><u>498.440.537.664</u></b>

**11. Phải trả người bán**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Phải trả trong nước	122,234,463,677	122.714.320.627
Phải trả nước ngoài	8,347,182,999	5.265.432.092
<b>Cộng</b>	<b><u>130,581,646,676</u></b>	<b><u>127,979,752,719</u></b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Khách hàng trong nước	5,802,532,536	7.069.626.113
Khách hàng nước ngoài	7,791,812,306	5.802.434.706
<b>Cộng</b>	<b><u>13,594,344,842</u></b>	<b><u>12.872.060.819</u></b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Thuế GTGT	383,790,613	1.861.079.147
Thuế xuất nhập khẩu	520,424,540	1.424.051.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,973,883,885	3.973.883.885
Thuế thu nhập cá nhân	105,472,417	7.066,406
Thuế tài nguyên	340,884	
Thuế hoa hồng môi giới	518,490	
<b>Cộng</b>	<b><u>4,984,430,829</u></b>	<b><u>7,266,081,020</u></b>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mĩ cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

**14. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả nhân viên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Hàng chờ hoá đơn	4,299,090,641	3.039.718.696
Bảo hiểm phải nộp	626,139,714	563.673.773
Cổ tức phải trả	581,441,900	2.950.358.400
Nhận tiền đặc cộc của ngân hàng SHB	19,100,000,000	
Phải trả phải nộp khác	1,927,384,727	1.719.421.621
<b>Cộng</b>	<b><u>26,534,056,982</u></b>	<b><u>8,273,172,490</u></b>

**16. Vay và nợ dài hạn**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Ngân hàng An Bình Cần Thơ	51,733,695,000	51.733.695.000
<b>Cộng</b>	<b><u>51,733,695,000</u></b>	<b><u>51,733,695,000</u></b>

Khoản vay An Bình Cần Thơ theo Hợp đồng vay số 0479/2007/HĐTD(14/09/2007)

Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Ấn Độ Dương

+ Số tiền vay : 270.000.000.000 VNĐ

+ Thời hạn vay : 6 năm

**17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>
Số dư tại ngày 31/12/2009	660.000.000.000	611.965.459.100	27.417.629.848	211,205,575,084	15,260,708,720
Tăng trong kỳ				60,478,348,349	
Giảm trong kỳ				50,044,435,214	919,280,210
<b>Số dư tại ngày 30/06/2010</b>	<b><u>660.000.000.000</u></b>	<b><u>611.965.459.100</u></b>	<b><u>27.417.629.848</u></b>	<b><u>221,639,488,219</u></b>	<b><u>14,341,428,510</u></b>

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần : 66.000.000 CP



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần**

	<b>Quý II năm 2010</b>	<b>Quý II năm 2009</b>
Doanh thu thuần bán thành phẩm	369,366,816,002	388,774,706,231
Doanh thu thuần bán hàng hoá, dịch vụ	6,342,921,739	166,493,951,756
<b>Cộng</b>	<b><u>375,709,737,741</u></b>	<b><u>555,268,657,987</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Quý II năm 2010</b>	<b>Quý II năm 2009</b>
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	305,853,260,908	446,637,218,587
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	6,443,511,912	103,163,963,341
<b>Cộng</b>	<b><u>312,296,772,820</u></b>	<b><u>549,801,181,928</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Quý II năm 2010</b>	<b>Quý II năm 2009</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,166,994,754	2,599,731,034
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,207,400,000	2,905,326,612
Lãi chênh lệch tỷ giá	10,807,865,024	19,512,526,342
<b>Cộng</b>	<b><u>13,182,259,778</u></b>	<b><u>25,017,583,988</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Quý II năm 2010</b>	<b>Quý II năm 2009</b>
Lãi vay	8,809,936,243	8,059,123,233
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,757,781,313	320,215,818
<b>Cộng</b>	<b><u>10,567,717,556</u></b>	<b><u>8,379,339,051</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Quý II năm 2010</b>	<b>Quý II năm 2009</b>
Cước tàu, vận chuyển	30,685,858,127	24,270,091,512
Chi phí khác	6,223,004,991	8,380,495,025
<b>Cộng</b>	<b><u>36,908,863,118</u></b>	<b><u>32,650,586,537</u></b>

**6. Chi phí QLDN**

	<b>Quý II năm 2010</b>	<b>Quý II năm 2009</b>
Khấu hao	939,841,961	1,402,298,755
Chi phí quản lý khác	6,430,963,955	6,727,492,729
<b>Cộng</b>	<b><u>7,370,805,916</u></b>	<b><u>8,129,791,484</u></b>

Lập biểu


**Mai Ngọc Tri**

Kế toán trưởng


**Dương Minh Phong**

An Giang, ngày 30 tháng 06 năm 2010



Tổng giám đốc

**Nguyễn Duy Nhứt**